

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 15 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: PHÌN THỊ DANG, Ngày tháng năm sinh: 03/10/1989
- Chức vụ/ chức danh công tác: Hiệu Trưởng
- Cơ quan/ đơn vị công tác: Trường Mầm Non Mường Anh
- Nơi thường trú: Bản Mường Anh 2, xã Pa Ham, tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011189002194 ngày cấp 31/07/2024 nơi cấp: Bộ công an

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: LÒ VĂN KIÊM; Ngày tháng năm sinh: 21/02/1988
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc: Trường PTDTBTTH Mường Anh
- Nơi thường trú: Bản Kéo, xã Mường Lạn, tỉnh Điện Biên
- Nơi tạm trú: Bản Mường Anh 2, xã Pa Ham, tỉnh Điện Biên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011088004611 ngày cấp 26/01/2022 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: LÒ NAM PHONG Ngày tháng năm sinh: 22/02/2017
- Nghề nghiệp: Học sinh lớp 3A1 trường PTDTBTTH Mường Anh
- Nơi thường trú: Bản Mường Anh 2, xã Pa Ham, tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011217010279 ngày cấp 31/07/2024 nơi cấp: Bộ công an

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên: LÒ NGỌC ÁNH; Ngày tháng năm sinh: 19/03/2020
- Nơi thường trú: Bản Mường Anh 2, xã Pa Ham, tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011320001301 ngày cấp 22/07/2024 nơi cấp: Bộ công an

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ 1:

- Địa chỉ: Bản Mường Anh 2, xã Pa Ham, tỉnh Điện Biên.
- Diện tích: 256 m².
- Giá trị: 150.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Thông tin khác (nếu có):.....

1.2. Các loại đất khác: Không

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Bản Mường Anh 2, xã Pa Ham, tỉnh Điện Biên.
- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ. Cấp công trình: Cấp IV
- Diện tích: 65 m².
- Giá trị: 300.000.000 đồng
- Thông tin khác (nếu có):.....

2.2. Công trình xây dựng khác: Không

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không

3.1. Cây lâu năm: Không

3.2. Rừng sản xuất: Không

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: Không

6.2. Trái phiếu: Không

6.3. Vốn góp: Không

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: Không

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): Không

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không

8. Tài sản ở nước ngoài: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 486.682.690 đồng (Thời gian giữa 2 lần kê khai từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 12 năm 2025)

- Tổng thu nhập của người kê khai: 247.335.683đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 239.347.007đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không

- Tổng các khoản thu nhập chung: không

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác	Không		
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác	Không		
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	Không		

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32).	Không		
	Không	+486.682.690	Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp của 02 vợ chồng

Pa Ham, ngày tháng năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Pa Ham, ngày 15 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Sìn Thị Cúc
 Phó hiệu trưởng
 trường mầm non Mường Anh

Phìn Thị Dang